



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1927/QĐ-CT.UB ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc chuyển Công ty Mía đường Cần Thơ thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800283278, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 và đăng ký thanh đổi lần thứ 19 ngày 04 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- Điện thoại: 02933 867 359
- Fax: 02933 867 359
- Tên viết tắt: CASUCO
- Mã số thuế: 1800283278

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường.
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành mía đường.
- Dịch vụ cho thuê tài sản.
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Vĩnh Chung	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Mai Loan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trường Chinh	Thành viên
Bà Phạm Thị Hồng Liễu	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Chức vụ

Ông Trần Vĩnh Chung
Ông Phạm Quang Vinh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm hiện tại là:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Trần Ngọc Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



TRẦN VINH CHUNG

Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 044/2022/BCKT-CT.00564



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 11 năm 2022, từ trang 07 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.8 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do hàng hết hạn sử dụng và kém phẩm chất, dẫn đến khoản mục "Hàng tồn kho" (Mã số 140) trên Bảng cân đối kế toán đang được phản ánh theo giá gốc là 99.535.042.461 VND thay vì phải phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục "Hàng tồn kho" trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi là 6.401.622.806 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" sẽ tăng là 6.401.622.806 VND, và "Lợi nhuận sau thuế" sẽ giảm đi tương ứng là 6.401.622.806 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Bên cạnh đó, tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty cũng chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 12.134.432.213 VND. Nếu công ty ghi nhận đầy đủ chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi vào sổ sách kế toán thì lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay (mã số 50) giảm xuống một khoảng với số tiền là 12.134.432.213 VND, khoản lỗ lũy kế chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 (mã số 421) sẽ tăng lên 12.134.432.213 VND và chỉ tiêu Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 (mã số 137) tăng lên một khoản 12.134.432.213 VND.

Như đã nêu tại mục 5.7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có khoản tài sản thiếu chờ xử lý với giá trị là 4.417.433.662 VND. Đây là giá trị của khoản hàng tồn kho thiếu, được phát hiện thông qua kiểm kê ngày 30/06/2020. Đến ngày phát hành báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa đưa ra quyết định xử lý khoản mục này. Chúng tôi cũng không thể thu thập được các bằng chứng khác do đó Chúng tôi cũng không thể đưa ra được ý kiến về tính đánh giá của khoản mục này và các ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư các khoản nợ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Khoản mục	Số tiền VND
Phải thu ngắn hạn khác (mã số 136)	4.301.000.000
Phải trả cho người bán ngắn hạn (mã số 311)	710.481.598
Phải trả ngắn hạn khác	6.733.450.213

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

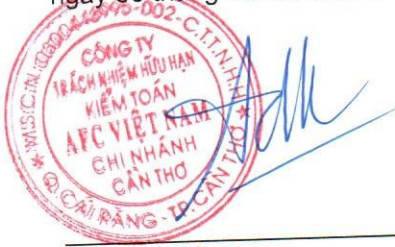
Như đã nêu tại mục 5.11 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Quyền sử dụng đất là tài sản cố định vô hình chưa chuyển nhượng sang tên cho Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ với số tiền là 13.988.133.240 VND.

Như đã nêu tại mục 1.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó Công ty đã dừng hoạt động của Nhà máy đường Vị Thanh từ ngày 29 tháng 06 năm 2019 do thiếu hụt nguồn nguyên liệu sản xuất. Việc đưa Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại phụ thuộc vào việc phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy. Đến ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa thể đưa Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp Kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty Kiểm toán này đã đưa ra báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 vào ngày 14 tháng 12 năm 2021 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHANH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 12 tháng 11 năm 2022

A large, stylized handwritten signature in blue ink, likely belonging to Nguyễn Thị Ngọc Bích.

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/07/2021
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.746.708.336	140.498.378.503
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.232.059.190	60.833.395.938
Tiền	111		16.232.059.190	9.833.395.938
Các khoản tương đương tiền	112		-	51.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.631.486.723	36.519.008.136
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.560.565.993	3.379.483.185
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	26.596.031.666	20.500.779.406
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	73.841.968.112	74.005.824.593
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(65.784.512.710)	(65.784.512.710)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	4.417.433.662	4.417.433.662
Hàng tồn kho	140	5.8	99.535.042.461	40.981.682.755
Hàng tồn kho	141		99.535.042.461	40.981.682.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.348.119.962	2.164.291.674
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.348.119.962	2.164.291.674
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/07/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		143.839.469.982	160.028.994.880
Các khoản phải thu dài hạn	210		170.400.000	170.400.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	170.400.000	170.400.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		104.876.246.126	120.891.491.695
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	76.101.782.737	90.709.523.276
Nguyên giá	222		889.458.821.667	889.458.821.667
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(813.357.038.930)	(798.749.298.391)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	28.774.463.389	30.181.968.419
Nguyên giá	228		73.768.589.802	73.768.589.802
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.994.126.413)	(43.586.621.383)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.573.934.770	6.504.812.207
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	6.573.934.770	6.504.812.207
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	31.375.000.000	31.375.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		78.423.230.000	78.423.230.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		31.173.000.000	31.173.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		202.000.000	202.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(78.423.230.000)	(78.423.230.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		843.889.086	1.087.290.978
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	798.097.178	1.041.499.070
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		45.791.908	45.791.908
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		304.586.178.318	300.527.373.383

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

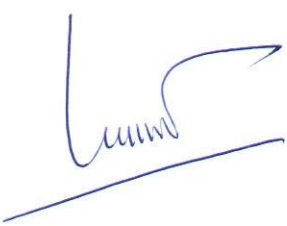
	Mã	Thuyết	30/06/2022	01/07/2021
	số	minh		
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		52.453.140.328	46.434.819.906
Nợ ngắn hạn	310		52.153.140.328	46.134.819.906
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.561.992.022	1.590.170.539
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	21.818.498.295	19.012.046.416
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	4.612.072.970	3.425.378.162
Phải trả người lao động	314		2.264.384.075	136.312.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	644.510.001	1.075.993.448
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	20.575.937.832	19.788.374.208
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	675.745.133	1.106.545.133
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		300.000.000	300.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	300.000.000	300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

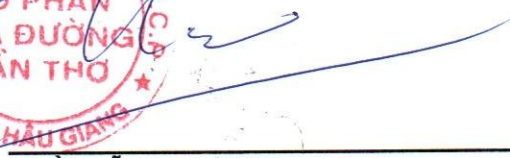
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/07/2021
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.133.037.990	254.092.553.477
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	252.133.037.990	254.092.553.477
Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.805.470.000	130.805.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.441.670.000	130.441.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		363.800.000	363.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(10.209.100.000)	(10.200.500.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		135.711.274.992	135.711.274.992
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.174.607.002)	(2.223.691.515)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.223.691.515)	(3.679.469.676)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.950.915.487)	1.455.778.161
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		304.586.178.318	300.527.373.383


NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
 Người lập biểu


LÊ THỊ KIM PHI
 Kế toán trưởng


TRẦN VĨNH CHUNG
 Tổng Giám đốc
 Hậu Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

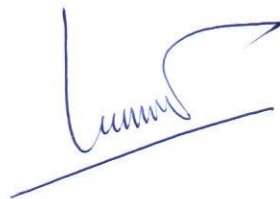
Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

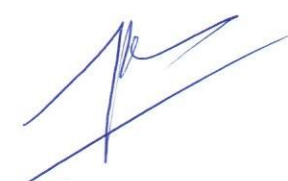
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

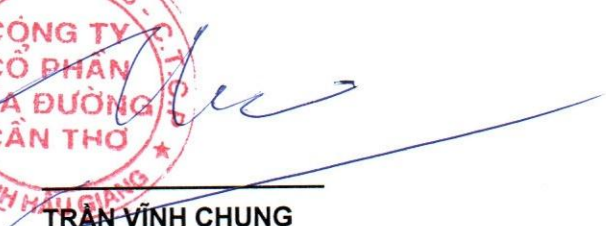
Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	86.103.123.395	173.051.946.700
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	975.418.667
Doanh thu thuần	10		86.103.123.395	172.076.528.033
Giá vốn hàng bán	11	6.3	78.722.081.776	166.352.094.961
Lợi nhuận gộp	20		7.381.041.619	5.724.433.072
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	811.962.963	1.266.088.596
Chi phí tài chính	22	6.5	722.947.880	370.112.805
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	370.112.805
Chi phí bán hàng	25	6.6	187.818.390	334.435.305
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	7.239.865.476	9.170.850.611
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.372.836	(2.884.877.053)
Thu nhập khác	31	6.8	194.053.888	8.217.267.713
Chi phí khác	32	6.9	2.187.342.211	2.416.814.657
Lợi nhuận khác	40		(1.993.288.323)	5.800.453.056
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.950.915.487)	2.915.576.003
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	-	1.459.797.842
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.950.915.487)	1.455.778.161


NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
 Người lập biểu


LÊ THỊ KIM PHĨ
 Kế toán trưởng




TRẦN VĨNH CHUNG
 Tổng Giám đốc
 Hậu Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(1.950.915.487)	2.915.576.003
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		16.015.245.569	16.437.940.682
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(811.962.963)	(8.297.031.573)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.252.367.119	11.056.485.112
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.296.306.875)	2.537.092.241
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(58.553.359.706)	48.484.313.834
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.639.194.710	(13.624.463.424)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		243.401.892	(265.061.122)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.183.828.288)	(46.622.280)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.000.000	(44.602.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(480.800.000)	(1.176.158.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(45.329.331.148)	46.920.983.719
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(69.122.563)	(580.819.793)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	7.751.505.292
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		811.962.963	1.261.921.473
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		742.840.400	8.432.606.972

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(8.600.000)	(33.500.000)
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.246.000)	(6.215.296.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.846.000)	(6.248.796.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(44.601.336.748)	49.104.794.341
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		60.833.395.938	11.728.601.597
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	16.232.059.190	60.833.395.938

NGUYỄN THỊ HỒNG GÁM
Người lập biểu

LÊ THỊ KIM PHÍ
Kế toán trưởng

TRẦN VINH CHUNG
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thực phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường.
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành mía đường.
- Dịch vụ cho thuê tài sản.
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Thực hiện Nghị quyết cuộc họp Hội Đồng Quản Trị số 32/NQ-HĐQT-MĐ ngày 18/06/2019, Công ty đã tạm dừng hoạt động Nhà máy đường Vị Thanh do thiếu hụt nguồn nguyên liệu sản xuất. Nguồn nguyên liệu trong vùng và các tỉnh lân cận không đáp ứng đủ cho Nhà máy đường Phụng Hiệp và Nhà máy đường Vị Thanh cùng hoạt động sản xuất Công ty có kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu tại Thành phố Vị Thanh và tỉnh Kiên Giang bằng nhiều chính sách đầu tư bằng tiền, bằng phân bón,... để phát triển nguyên liệu cho Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, Nhà máy đường Vị Thanh vẫn chưa thể hoạt động trở lại. Ban Giám đốc Công ty dự tính, khi vùng nguyên liệu phát triển, đủ đáp ứng cho Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động, Công ty sẽ đưa Nhà máy đường Vị Thanh vào hoạt động trở lại.

1.6 Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên Công ty

Địa chỉ trụ sở
chính

Tỷ lệ
vốn góp

Tỷ lệ
quyền biểu
quyết

Tỷ lệ phần sở
hữu

Công ty Cổ phần Mía
đường Tây Nam

Ấp 1, xã Trí Phải,
huyện Thới Bình, tỉnh
Cà Mau

98,03%

98,03%

98,03%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng	Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	38,78%	38,78%	38,78%

Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
- Nhà máy đường Phụng Hiệp	Số 10 đường 1/5, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang
- Xí nghiệp Đường Vị Thanh	Số 1284 đường Trần Hưng Đạo, khu vực 5, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 134 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 153 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	04 - 25

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 25 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

4.15 Quỹ tiền lương

Trong năm, Công ty đã trích chi phí tiền lương thực hiện trên cơ sở kế hoạch lương đã được thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông từng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% từ ngày 01/07/2021 là 17%, và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH ADC	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	Có Cổ đông lớn là thành viên quản lý chủ chốt tại Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	51.401.089	61.552.722
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn VND	16.180.658.101	9.771.843.216
Các khoản tương đương tiền	-	51.000.000.000
	16.232.059.190	60.833.395.938

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam (*) (**)	78.423.230.000	(78.423.230.000)	78.423.230.000	(78.423.230.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng (*)	31.173.000.000	-	31.173.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Tổng Công ty Mía đường số 1 (*)	202.000.000	-	202.000.000	-
	109.798.230.000	(78.423.230.000)	109.798.230.000	(78.423.230.000)

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(**) Theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐQT-MĐ ngày 29/12/2020, Công ty đưa ra Quyết định giải thể Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đang hoàn thiện thủ tục giải thể Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Phải thu là các bên liên quan		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	909.755.000	903.955.000
Công Ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng	-	75.041.470
Công Ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam	132.500.000	132.500.000
Công ty Cổ Phần Mía Đường Trà Vinh	59.557.300	59.557.300
Phải thu các khách hàng khác		
Cơ Sở Sản Xuất Nước Đá Phạm Văn Khiêm	746.555.549	746.555.549
Quách Tùng Giang	-	500.000.000
Các khách hàng khác	712.198.144	961.873.866
	2.560.565.993	3.379.483.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	200.200.000	200.200.000
Công ty TNHH Mía Đường Tây Nam	280.000.000	280.000.000
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Kỹ Thuật Tự Động C.A.T.E.C	758.769.000	735.119.000
Khoản nợ đầu tư tại Công ty TNHH MTV Nông Nghiệp Mekong	9.087.322.840	9.113.122.840
Công ty Cổ phần Tư Vấn, Thiết Bị và Công Nghệ Ánh Dương	478.500.000	478.500.000
Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp M&T	676.722.970	676.722.970
Công ty TNHH Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh Quý Long	1.049.813.054	1.049.813.054
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Tấn Thịnh	494.711.046	494.711.046
Các nhà cung cấp khác	13.569.992.756	7.472.590.496
	26.596.031.666	20.500.779.406

5.5 Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Cổ Phần Mía	3.866.112.370	-	3.819.316.407	-
Đường Sóc Trăng				
Công ty Cổ Phần Mía	30.515.636.476	(30.059.402.962)	30.515.636.476	(30.059.402.962)
Đường Tây Nam (*)				
Công ty Cổ Phần Mía	4.899.375	-	52.487.500	-
Đường Trà Vinh				
Công ty TNHH Kim Hà Việt	860.292	-	860.292	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Tạm ứng	1.413.897.145	-	1.408.897.145	-
Ký cược ký quỹ	84.928.500	-	84.928.500	-
Đỗ Văn Tĩnh	4.301.000.000	-	4.301.000.000	-
Đoàn Phước Minh	8.200.258.911	(8.136.561.336)	8.200.258.911	(8.136.561.336)
Công ty TNHH Thương mại	3.060.900.000	(3.060.900.000)	3.060.900.000	(3.060.900.000)
Thực Phẩm Hồng Yến				
Cơ Sở - Vi Thị Kim Mai	4.084.170.000	(4.084.170.000)	4.084.170.000	(4.084.170.000)
Cơ Sở Huỳnh Hắc	3.700.165.000	(3.700.165.000)	3.700.165.000	(3.700.165.000)
Cơ Sở - Nguyễn Thanh Xuân	3.464.380.350	(3.464.380.350)	3.464.380.350	(3.464.380.350)
	2.012.850.000	(2.012.850.000)	2.012.850.000	(2.012.850.000)
Cơ Sở - Hồng Tú Loan				
Các đối tượng khác	9.131.909.693	(9.031.671.923)	9.299.974.012	(8.821.066.423)
	73.841.968.112	(63.550.101.571)	74.005.824.593	(63.339.496.071)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

- (*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam là khoản nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần kèm nợ phải thu số 13/2016/DATC-CASUCO ngày 02/03/2016. Theo hợp đồng, Công ty mua 3.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam do DATC nắm giữ và khoản nợ của DATC phải thu Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam có giá trị 81.773.357.510 VND với tổng số tiền là 80 tỷ đồng. Tại thời điểm mua, Công ty ghi nhận toàn bộ 81.773.357.510 VND phải thu Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam, đồng thời ghi nhận khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản phải thu và số tiền Công ty bỏ ra để mua khoản nợ phải thu từ DATC là khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Ký cược ký quỹ	170.400.000	-	170.400.000	-
	170.400.000	-	170.400.000	-

5.6 Nợ xấu

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH MTV Nông Nghiep Mekong	9.113.122.840	7.868.271.840	9.113.122.840	7.868.271.840
Công Ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam	30.515.636.476	456.233.514	30.515.636.476	456.233.514
Đoàn Phước Minh	8.200.258.911	63.697.575	8.200.258.911	63.697.575
Cơ sở Vi Thị Kim Hai	4.084.170.000	-	4.084.170.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Thực Phẩm Hồng Yến	3.060.900.000	-	3.060.900.000	-
	3.700.165.000	-	3.700.165.000	-
Cơ sở Huỳnh Hắc	3.464.380.350	-	3.464.380.350	-
Cơ sở Nguyễn Thanh Xuân	2.012.850.000	-	2.012.850.000	-
Cơ sở Hồng Tú Loan	10.352.556.609	331.324.547	10.327.314.532	306.082.470
Các đối tượng khác				
	74.504.040.186	8.719.527.476	74.478.798.109	8.694.285.399

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Trả trước cho người bán	Cộng
Vào ngày 01/07/2021	(63.834.265.095)	(1.950.247.615)	(65.784.512.710)
Trích dự phòng bổ sung trong năm	-	-	-
Hoàn nhập trong năm	-	-	-
Vào ngày 30/06/2022	(63.834.265.095)	(1.950.247.615)	(65.784.512.710)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Hao hụt trong kiểm kê (*)	4.417.433.662	-	4.417.433.662	-
	4.417.433.662	-	4.417.433.662	-

(*) Đây là giá trị của khoản hàng tồn kho thiếu, được phát hiện thông qua kiểm kê ngày 30/06/2020.

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu (*)	17.219.235.545	-	28.303.828.680	-
Công cụ, dụng cụ	111.782.334	-	112.743.842	-
Chi phí SXKD dở dang	4.865.092.309	-	4.826.621.953	-
Thành phẩm	77.325.824.952	-	7.725.380.959	-
Hàng hóa	13.107.321	-	13.107.321	-
	99.535.042.461	-	40.981.682.755	-

(*) Trong đó, hàng kém phẩm chất, mất phẩm chất, hư hỏng và hết hạn sử dụng là 6.401.622.806 VND.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	798.097.178	1.041.499.070
	798.097.178	1.041.499.070

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/07/2021	185.360.062.928	671.414.120.882	20.543.648.372	3.507.003.869	8.633.985.616	889.458.821.667
Vào ngày 30/06/2022 (*)	185.360.062.928	671.414.120.882	20.543.648.372	3.507.003.869	8.633.985.616	889.458.821.667
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/07/2021	164.356.371.489	605.117.813.759	17.473.195.753	3.167.931.774	8.633.985.616	798.749.298.391
Khấu hao trong năm	2.098.171.189	11.731.492.022	701.611.843	76.465.485	-	14.607.740.539
Phân loại lại	37.867.077	(37.867.077)	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2022 (*)	166.492.409.755	616.811.438.704	18.174.807.596	3.244.397.259	8.633.985.616	813.357.038.930
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/07/2021	21.003.691.439	66.296.307.123	3.070.452.619	339.072.095	-	90.709.523.276
Vào ngày 30/06/2022 (*)	18.867.653.173	54.602.682.178	2.368.840.776	262.606.610	-	76.101.782.737
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Vào ngày 01/07/2021	114.001.541.704	380.566.349.937	10.908.582.370	2.705.447.819	8.633.985.616	516.815.907.446
Vào ngày 30/06/2022 (*)	124.050.127.478	384.043.250.097	10.908.582.370	2.781.567.819	8.633.985.616	530.417.513.380
Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay						
Vào ngày 01/07/2021	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2022 (*)	-	-	-	-	-	-

(*) Trong đó đã bàn giao tài sản cho Ông Lê Hải Phú với nguyên giá là 9.266.367.456 VND theo hợp đồng ngày 05/02/2020, nhưng do thủ tục pháp lý chưa xong nên Công ty tạm thời vẫn còn theo dõi trên danh mục tài sản.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định tại nhà máy đường Vị Thanh tạm ngưng sử dụng:

6.487.194.565 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/07/2021	66.292.005.607	1.075.835.135	6.400.749.060	73.768.589.802
Vào ngày 30/06/2022 (*)	66.292.005.607	1.075.835.135	6.400.749.060	73.768.589.802
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/07/2021	36.188.172.388	997.699.935	6.400.749.060	43.586.621.383
Khấu hao trong năm	1.367.704.230	39.800.800		1.407.505.030
Vào ngày 30/06/2022 (*)	37.555.876.618	1.037.500.735	6.400.749.060	44.994.126.413
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/07/2021	30.103.833.219	78.135.200	-	30.181.968.419
Vào ngày 30/06/2022 (*)	28.736.128.989	38.334.400	-	28.774.463.389

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/07/2021	22.979.380.011	-	6.400.749.060	29.380.129.071
Vào ngày 30/06/2022 (*)	22.979.380.011	-	6.400.749.060	29.380.129.071

Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay

Vào ngày 01/07/2021	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2022 (*)	-	-	-	-

(*) Trong đó đã bàn giao tài sản cho Ông Lê Hải Phú với nguyên giá là 7.109.490.526 VND theo hợp đồng ngày 05/02/2020, nhưng do thủ tục pháp lý chưa xong nên Công ty tạm thời vẫn còn theo dõi trên danh mục tài sản.

Nguyên giá Quyền sử dụng đất chưa chuyển sang tên Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ là: 13.988.133.240 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÀN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/07/2021	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản					
Chi phí xây dựng cơ bản	1.103.009.091	-	-	-	1.103.009.091
Sửa chữa lớn tài sản cố định					
chi phí sửa chữa vụ 2020-2021	-	4.392.010.515	-	(3.934.868.952)	457.141.563
Hệ thống bơm siro lên Nấu Đường	5.401.803.116	-	-	(388.019.000)	5.013.784.116
	6.504.812.207	4.392.010.515	-	(4.322.887.952)	6.573.934.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	200.200.000	200.200.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam	280.000.000	280.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	18.230.000	15.390.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ Phần Nồi Hoir Sài Gòn	120.151.350	-
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đức Lộc Cường	100.375.121	100.375.121
Đài Phát Thanh Và Truyền Hình Tỉnh Hậu Giang	120.000.000	120.000.000
Các nhà cung cấp khác	723.035.551	874.205.418
	1.561.992.022	1.590.170.539

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.286.060.145	277.202.400
Công Ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam	64.800.000	64.800.000
<i>Trả trước của các tổ chức, cá nhân khác</i>		
Ông Lê Hải Phú	17.268.912.269	17.268.912.269
Nguyễn Thiện Nhân	-	640.000.000
Các khách hàng khác	3.198.725.881	761.131.747
	21.818.498.295	19.012.046.416

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.15 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	01/07/2021		Số phát sinh trong năm		30/06/2022	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT						
Thuế thu nhập doanh	(2.164.291.674)	3.388.143.858	2.553.735.312	(1.354.848.897)	-	4.587.030.273
Thuế thu nhập cá nhân		-	-	(1.183.828.288)	(3.348.119.962)	-
Thuế tài nguyên		37.234.304	129.333.474	(141.525.081)	-	25.042.697
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	901.087.775	(901.087.775)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản	-	-	223.086.804	(223.086.804)	-	-
phải nộp khác	-	-	5.533.734	(5.533.734)	-	-
	(2.164.291.674)	3.425.378.162	3.812.777.099	(3.809.910.579)	(3.348.119.962)	4.612.072.970

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là không tính thuế, không chịu thuế, 0%, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Chi phí phải trả cho các bên liên quan		
Chi phí đi lại, phụ cấp của HĐQT, BKS	114.852.447	59.200.000
Chi phí phải trả khác		
Tiền lương phải trả	2.293.061	481.273.955
Chi phí bốc xếp phải trả	-	8.155.000
Dự phòng hao hụt	527.364.493	527.364.493
	644.510.001	1.075.993.448

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	10.020.000.000	10.020.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.039.773.995	3.046.019.995
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.516.163.837	6.722.354.213
	20.575.937.832	19.788.374.208

(*) Khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn của Ông Lê Hải Phúc theo hợp đồng đặt cọc ngày 05/02/2020 phục vụ mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến ngày 19/08/2020, ông Lê Hải Phúc đã chuyển giao quyền thực hiện hợp đồng trên cho ông Lê Hải Phú theo biên bản làm việc giữa Công ty, ông Lê Hải Phúc và ông Lê Hải Phú.

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	300.000.000

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/07/2021 VND	Thu khác VND	Chi quỹ trong năm VND	30/06/2022 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.106.545.133	50.000.000	(480.800.000)	675.745.133

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cổ phiếu Quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Vào ngày 01/07/2020	130.805.470.000	135.711.274.992	(10.200.500.000)	3.579.081.066	259.895.326.058
Lãi trong năm	-	-	-	1.455.778.161	1.455.778.161
Chia cổ tức	-	-	-	(6.356.663.500)	(6.356.663.500)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(901.887.242)	(901.887.242)
Vào ngày 30/06/2021	130.805.470.000	135.711.274.992	(10.200.500.000)	(2.223.691.515)	254.092.553.477
Vào ngày 01/07/2021	130.805.470.000	135.711.274.992	(10.200.500.000)	(2.223.691.515)	254.092.553.477
Lỗ trong năm	-	-	-	(1.950.915.487)	(1.950.915.487)
Chi mua lại CP ưu đãi	-	-	(8.600.000)	-	(8.600.000)
Vào ngày 30/06/2022	130.805.470.000	135.711.274.992	(10.209.100.000)	(4.174.607.002)	252.133.037.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	25.244.550.000	19,30%	39.544.550.000	30,23%
Công ty TNHH ADC	5.173.000.000	3,95%	32.473.000.000	24,83%
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	10.151.120.000	7,76%	10.151.120.000	7,76%
Trần Thị Thái	15.335.360.000	11,72%	5.304.420.000	4,06%
Trần Lệ Thanh	19.500.000.000	14,91%	-	0,00%
Nguyễn Thị Hồng Phước	27.300.000.000	20,87%	-	0,00%
Cổ phiếu quỹ	10.209.100.000	7,80%	10.200.500.000	7,80%
Cổ đông khác	17.892.340.000	13,68%	33.131.880.000	25,32%
	130.805.470.000	100,00%	130.805.470.000	100,00%

5.19.3 Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.080.547	13.080.547
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	13.040.467	13.040.467
- Cổ phiếu ưu đãi	40.080	40.080
	13.080.547	13.080.547
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	360.900	360.900
- Cổ phiếu ưu đãi	10.390	9.530
	371.290	370.430
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.679.567	12.679.567
- Cổ phiếu ưu đãi	29.690	30.550
	12.709.257	12.710.117

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	85.783.085.515	172.732.101.242
Doanh thu cung cấp dịch vụ	320.037.880	319.845.458
	86.103.123.395	173.051.946.700

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng	58.677.700	68.219.517
Công ty TNHH Kim Hà Việt	11.901.849.763	6.725.719.999
Công ty TNHH ADC	554.894.572	474.003.039
	12.515.422.035	7.267.942.555

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	-	970.656.762
Giảm giá hàng bán	-	4.761.905
	-	975.418.667

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	78.722.081.776	166.352.094.961
	78.722.081.776	166.352.094.961

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	811.962.963	1.261.921.473
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	4.167.123
	811.962.963	1.266.088.596

6.5 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi ứng trước thanh toán	722.947.880	370.112.805
	722.947.880	370.112.805

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	183.838.390	323.117.662
Chi phí bán hàng khác	3.980.000	11.317.643
	187.818.390	334.435.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.984.536.162	2.064.024.644
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	50.616.165	74.085.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.842.429.198	2.131.264.063
Chi phí thuế, lệ phí	23.934.947	331.453.721
Chi phí quản lý khác	3.338.349.004	4.570.022.741
	7.239.865.476	9.170.850.611

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	55.966.348
Trong đó:		
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	55.966.348
- Giá trị còn lại và chi phí thanh lý của tài sản cố định	-	-
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	6.979.143.752
Lãi chậm chi trả cổ tức	186.120.000	-
Thu nhập khác	7.933.888	1.182.157.613
	194.053.888	8.217.267.713

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt	206.391	47.769.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định không phục vụ Sản xuất kinh doanh	2.187.135.820	2.256.898.347
Chi phí khác	-	112.146.846
	2.187.342.211	2.416.814.657

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.227.945.197	90.953.452.500
Chi phí nhân công	16.840.118.616	12.554.166.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.015.245.569	14.181.042.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.872.099	421.854.546
Chi phí khác	5.850.076.388	6.285.903.720
	139.959.257.869	124.396.419.348

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

7. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2022			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	22.437.929.854	300.000.000	22.737.929.854
Chi phí phải trả	644.510.001	-	644.510.001
	23.082.439.855	300.000.000	23.382.439.855
Tại ngày 01/07/2021			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	21.678.544.747	300.000.000	21.978.544.747
Chi phí phải trả	1.075.993.448	-	1.075.993.448
	22.754.538.195	300.000.000	23.054.538.195

Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh tài sản đảm bảo.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2022 và 01/07/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	1.174.590.169	2.208.429.415	1.174.590.169	2.208.429.415
Phải thu khách hàng là bên liên quan	1.101.812.300	1.171.053.770	1.101.812.300	1.171.053.770
Các khoản phải thu khác	10.462.266.541	10.836.728.522	10.462.266.541	10.836.728.522
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.232.059.190	60.833.395.938	16.232.059.190	60.833.395.938
	28.970.728.200	75.049.607.645	28.970.728.200	75.049.607.645
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả các bên liên quan	498.430.000	495.590.000	498.430.000	495.590.000
Phải trả người bán	1.063.562.022	1.094.580.539	1.063.562.022	1.094.580.539
Phải trả khác	20.875.937.832	20.088.374.208	20.875.937.832	20.088.374.208
Chi phí phải trả	644.510.001	1.075.993.448	644.510.001	1.075.993.448
	23.082.439.855	22.754.538.195	23.082.439.855	22.754.538.195

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày cuối năm và ngày đầu năm. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp		
Ông Trần Ngọc Hiếu	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Vĩnh Chung	279.502.884	346.646.633
Ông Phạm Quang Vinh	112.592.578	114.557.954
Thù lao		
Ông Trần Ngọc Hiếu	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Vĩnh Chung	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Quang Vinh	96.000.000	96.000.000
Bà Phạm Thị Mai Loan	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Trường Chinh	60.000.000	30.000.000
Bà Phạm Thị Hồng Liễu	60.000.000	60.000.000
	1.160.095.462	1.199.204.587

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh với các công ty là các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng		
Bán hàng	58.677.700	68.219.517
Lãi chậm trả cổ tức	186.120.000	186.120.000
Khác	-	84.366.777
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán thành phẩm	11.901.849.763	6.725.719.999
Mua hàng	-	1.662.775.231
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc		
Lãi chậm trả tiền hàng được nhận	-	4.167.123
Công ty TNHH ADC		
Bán hàng	554.894.572	474.003.039
Công ty Cổ phần Mía Đường Trà Vinh		
Giao dịch khác	-	52.487.500
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ		
Mua hàng vật tư, tài sản	17.753.805	11.790.909

Công nợ phải thu, phải trả với Công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam		
Phải thu khách hàng	132.500.000	132.500.000
Trả trước cho người bán	280.000.000	280.000.000
Phải thu khác	30.515.636.476	30.515.636.476
Phải trả người bán	280.000.000	280.000.000
Người mua trả tiền trước	64.800.000	64.800.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng		
Phải thu khách hàng	-	75.041.470
Phải thu khác	3.866.112.370	3.819.316.407
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Phải thu khách hàng	909.755.000	903.955.000
Trả trước cho người bán	200.200.000	200.200.000
Phải thu khác	860.292	860.292
Phải trả người bán	200.200.000	200.200.000
Người mua trả tiền trước	1.286.060.145	277.202.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc		
Phải thu khác	-	36.008.219
Công ty Cổ phần Mía Đường Trà Vinh		
Phải thu khách hàng	59.557.300	59.557.300
Phải thu khác	4.899.375	52.487.500
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ		
Phải trả người bán	18.230.000	15.390.000

8.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh sản xuất thực phẩm và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu



LÊ THỊ KIM PHĨ
Kế toán trưởng



TRẦN VINH CHUNG
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2022

